

Tăng tỷ trọng

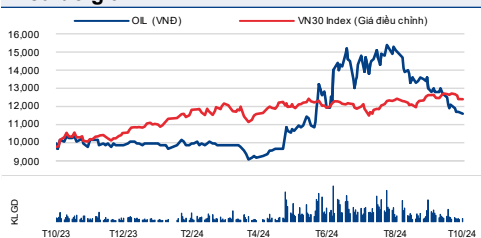
Giá mục tiêu: VNĐ11,500

Tiềm năng tăng/giảm: -1.7%

Giá cổ phiếu (đồng) (29/10/2024)	11,700
Mã Bloomberg	OIL VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	9,076-15,488
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	11,667
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	12,735
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	503
Slg CP lưu hành (tr.đv)	1,088
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	72.1
Slg CP NN được mua (tr.đv)	10.2
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	6.62%
Tỷ lệ sở hữu của NN	5.68%
Tỷ lệ freefloat	9.66%
Cổ đông lớn	PVN (80.5%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-23A	12-24F	12-25F
DT thuần (tỷ đồng)	110,467	116,483	116,793
EBITDA đc (tỷ đồng)	932	916	928
LNTT (tỷ đồng)	900	920	963
LNT ĐC (tỷ đồng)	657	665	695
FCF (tỷ đồng)	117	424	1,146
EPS ĐC (đồng)	635	643	672
DPS (đồng)	400	400	400
BVPS (đồng)	10,035	10,205	10,401
T.trưởng EBITDA (%)	(7.58)	(1.66)	1.26
T.trưởng EPS ĐC (%)	0.93	2.66	4.56
Tăng trưởng DPS (%)	14.3	0	0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	0.84	0.79	0.79
Tỷ suất LNTT (%)	0.81	0.79	0.82
Tỷ suất LNT ĐC (%)	0.59	0.58	0.60
Tỷ lệ LN trả CT (%)	62.9	61.3	58.6
Nợ thuần/VCSH (%)	(12.4)	(10.9)	(11.4)
ROAE (%)	6.38	6.45	6.62
ROACE (%)	4.52	3.99	3.66
EV/doanh thu (lần)	0.11	0.10	0.10
EV/EBITDA ĐC (lần)	12.8	13.3	13.2
P/E ĐC (lần)	18.4	18.2	17.4
P/B (lần)	1.17	1.15	1.12
Lợi suất cổ tức (%)	3.42	3.42	3.42

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

Công ty xăng dầu thứ hai Việt Nam với khoảng 25% thị phần và mạng lưới phân phối khoảng 650 cửa hàng xăng dầu COCO

Chuyên viên phân tích

Nguyễn Hoàng Thanh Nhã

Chuyên Viên Phân Tích, Ngành Năng

nha.nht@hsc.com.vn

+84 3 5587 8479

Nguyễn Hoàng Nam

Giám Đốc, Ngành Năng Lượng

nam.nhoang@hsc.com.vn

+84 9 8925 9210

KQKD Q3/2024 thấp hơn dự báo do tỷ suất lợi nhuận gộp giảm

- Trong Q3/2024, OIL ghi nhận doanh thu thuần đạt 31.077 tỷ đồng (tăng 29% so với cùng kỳ) và LNST đạt 37 tỷ đồng (giảm 84% so với cùng kỳ). LNST kém tích cực là do tỷ suất lợi nhuận gộp giảm xuống mức 2,7% khi giá dầu thô giảm và doanh thu HĐ tài chính giảm (giảm 45% so với cùng kỳ) trong bối cảnh mặt bằng lãi suất thấp.
- Tính chung 9 tháng đầu năm 2024, OIL ghi nhận doanh thu thuần đạt 95.410 tỷ đồng (tăng 43% so với cùng kỳ) và LNST đạt 382 tỷ đồng (giảm 41% so với cùng kỳ), đạt 82% và 50% dự báo cho cả năm 2024 của HSC, và hoàn thành 66% kế hoạch HĐKD cho cả năm của Công ty.
- Sau khi giá cổ phiếu tăng 28% trong vòng 6 tháng qua, OIL đang giao dịch với P/E dự phóng năm 2024 là 17,9 lần và P/B là 1,1 lần. HSC đang xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu.

Sự kiện: Công bố KQKD Q3/2024 vào ngày 29/10/2024

OIL công bố LNST Q3/2024 đạt 37 tỷ đồng (giảm 84% so với cùng kỳ và giảm 63% so với quý trước). LNST kém tích cực là do lợi nhuận gộp giảm mạnh (giảm 27% so với cùng kỳ và giảm 23% so với quý trước) do giá dầu thô giảm và doanh thu HĐ tài chính giảm (giảm 45% so với cùng kỳ và giảm 22% so với quý trước) trong bối cảnh mặt bằng lãi suất thấp. Tính chung 9 tháng đầu năm 2024, LNST đạt 382 tỷ đồng (giảm 41% so với cùng kỳ), đạt 50% dự báo cho cả năm 2024 của HSC và hoàn thành 66% kế hoạch HĐKD của Công ty.

Sản lượng tăng trưởng nhẹ không thể bù đắp cho sự sụt giảm của tỷ suất lợi nhuận

Tính chung 9 tháng đầu năm 2024, sản lượng tiêu thụ xăng dầu của OIL đạt 4,3 triệu m3 (tăng 11% so với cùng kỳ). Theo đó, sản lượng tiêu thụ Q3/2024 đạt 1,3 triệu m3 (tăng 5% so với cùng kỳ). Sản lượng tiêu thụ tăng trưởng khiêm tốn trong Q3/2024 là do ảnh hưởng của bão Yagi khiến người dân phải ở nhà, dẫn đến nhu cầu đi lại giảm. Tính chung 9 tháng đầu năm 2024, OIL ghi nhận doanh thu thuần đạt 95.410 tỷ đồng (tăng 43% so với cùng kỳ), đạt 82% dự báo cho cả năm 2024 của HSC và hoàn thành 115% kế hoạch HĐKD của Công ty.

Trong Q3/2024, doanh thu thuần tăng mạnh đạt 31.077 tỷ đồng (tăng 29% so với cùng kỳ). Tuy nhiên, lợi nhuận gộp trên mỗi lít xăng dầu đã giảm một nửa từ 833đ xuống 407đ, dẫn đến tỷ suất lợi nhuận gộp giảm từ mức 4,8% trong Q3/2023 xuống mức 2,7%, kéo tỷ suất lợi nhuận gộp 9 tháng đầu năm 2024 xuống mức 3,2% từ mức 4,8% trong 9 tháng năm 2023. HSC cho rằng sự sụt giảm tỷ suất lợi nhuận gộp là do giá dầu Brent bình quân trong Q3/2024 giảm 7,7% so với cùng kỳ và 5,5% so với quý trước.

Doanh thu HĐ tài chính giảm do mặt bằng lãi suất thấp

Trong 9 tháng đầu năm 2024 và Q3/2024, OIL ghi nhận doanh thu HĐ tài chính đạt lần lượt 517 tỷ đồng (giảm 20% so với cùng kỳ) và 136 tỷ đồng (giảm 45% so với cùng kỳ và giảm 22% so với quý trước). Lãi tiền gửi ngân hàng đạt 121 tỷ đồng trong Q3/2024 (giảm 36% so với cùng kỳ và giảm 13% so với quý trước), do lãi suất tiền gửi bình quân hàng năm là 3,8%, thấp hơn mức 5,9% trong Q3/2023, sát với xu hướng giảm của mặt bằng lãi suất từ nửa cuối năm 2023.

Xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu

Sau khi giá cổ phiếu tăng 28% trong 6 tháng qua, OIL đang giao dịch với P/E dự phóng năm 2024 là 17,9 lần và P/B là 1,1 lần. HSC đang xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 30/10.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q3/2024, OIL

Lợi nhuận thấp hơn dự báo do tỷ suất lợi nhuận gộp giảm

Tỷ đồng	Q3/23	Q3/24	% y/y	Q2/24	% q/q	9T24	9T23	% y/y	Kế hoạch công ty 2024	% dự báo HSC 2024
Doanh thu	31,077	24,012	29%	34,708	-10%	95,410	66,875	43%	115%	82%
Giá vốn hàng bán	(30,245)	(22,865)	32%	(33,630)	-10%	(92,322)	(63,666)	45%		
Lợi nhuận gộp	832	1,148	-27%	1,078	-23%	3,087	3,209	-4%		
Chi phí BH&QL	(856)	(997)	-14%	(986)	-13%	(2,887)	(2,822)	2%		
Thu nhập tài chính	136	246	-45%	174	-22%	517	643	-20%		
Lãi tiền gửi	121	190	-36%	139	-13%	419	507	-17%		
Lãi tỷ giá	17	50	-66%	34	-50%	98	110	-11%		
Chi phí tài chính	(66)	(93)	-29%	(142)	-53%	(259)	(284)	-9%		
Chi phí lãi vay	(50)	(73)	-31%	(45)	13%	(133)	(206)	-35%		
Lỗ tỷ giá	(11)	(20)	-42%	(96)	-88%	(120)	(69)	73%		
Thu nhập từ công ty liên kết	(1)	1	-159%	6	-114%	9	6	69%		
Thu nhập khác	8	(2)	-454%	10	-20%	24	85	-71%		
LNTT	52	303	-83%	140	-63%	492	837	-41%	66%	53%
LNST	37	235	-84%	101	-63%	382	664	-42%	80%	50%
Lợi nhuận thuần	28	219	-87%	85	-67%	347	628	-45%		51%

Nguồn: OIL, HSC

Bảng 2: Cơ cấu doanh thu và lợi nhuận gộp 9 tháng đầu năm 2024, OIL

Lợi nhuận gộp trên mỗi lít dầu giảm một nửa trong Q3/2024

Tỷ đồng	Q3/2024	Q3/2023	% so với cùng kỳ	9T2024	9T2023	% so với cùng kỳ
Tổng doanh thu	31,079	24,015	29%	95,415	66,880	43%
Doanh thu hàng hóa	31,064	23,901	30%	95,072	66,520	43%
Doanh thu từ dịch vụ và HĐKD khác	15	114	-86%	344	360	-5%
Lợi nhuận gộp	582	1,160	-50%	3,093	3,214	-4%
Lợi nhuận gộp từ bán hàng hóa	569	1,106	-49%	2,883	3,011	-4%
Lợi nhuận gộp từ cung c ếp dịch vụ	12	54	-77%	210	203	4%
Sản lượng xăng dầu (nghìn m³)	1,400	1,328	5%	4,200	3,784	11%
Giá bán bình quân (đồng/lít)	22,188	18,003	23%	22,636	17,580	29%
Lợi nhuận gộp (đồng/lít)	407	833	-51%	686	796	-14%

Nguồn: OIL, HSC

Bảng 3: Lợi suất tiền gửi (hàng năm) của OIL (%)

...cuối Q3/2024 giảm 2,1%

Tỷ đồng	Q3/2024	Q3/2023	So với cùng kỳ
Thu nhập từ lãi	121	190	-36%
Lãi tiền gửi (theo năm)	483	760	
Tiền mặt	2,709	2,907	
Tiền gửi ngắn hạn	9,964	9,908	
Tiền gửi dài hạn	-	-	
Lợi suất tiền gửi (hàng năm)	3.8%	5.9%	

Nguồn: OIL, HSC

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	-
Doanh thu	104,214	110,467	116,483	116,793	-
Lợi nhuận gộp	4,067	4,970	5,250	5,568	-
Chi phí BH&QL	(3,412)	(4,460)	(4,781)	(5,126)	-
Thu nhập khác	17.0	20.0	10.0	10.0	-
Chi phí khác	0	0	0	0	-
EBIT	672	531	479	451	-
Lãi vay thuần	237	362	424	490	-
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	3.04	7.10	7.32	11.3	-
Lợi nhuận khác	-	-	10.0	10.0	-
LN không thường xuyên	-	-	-	-	-
LNTT	912	900	920	963	-
Chi phí thuế TNDN	(189)	(158)	(159)	(167)	-
Lợi ích cổ đông thiểu số	(72.0)	(85.4)	(86.4)	(90.4)	-
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	651	657	675	705	-
Lợi nhuận thuần ĐC	651	657	665	695	-
EBITDA ĐC	1,008	932	916	928	-
EPS (đồng)	630	635	652	682	-
EPS ĐC (đồng)	630	635	643	672	-
DPS (đồng)	350	400	400	400	-
Sig CP bình quân (triệu đv)	1,034	1,034	1,034	1,034	-
Sig CP cuối kỳ (triệu đv)	1,034	1,034	1,034	1,034	-
Sig CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	1,034	1,034	1,034	1,034	-

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	-
Tiền & tương đương tiền	4,082	4,630	4,670	4,744	-
Đầu tư ngắn hạn	7,666	8,433	9,276	10,204	-
Phải thu khách hàng	8,091	9,148	9,646	9,671	-
Hàng tồn kho	2,941	3,163	3,335	3,335	-
Các tài sản ngắn hạn khác	452	534	563	563	-
Tổng tài sản ngắn hạn	23,233	25,908	27,490	28,518	-
TSCĐ hữu hình	2,135	1,815	1,459	1,066	-
TSCĐ vô hình	1,629	1,764	1,908	2,062	-
Bất động sản đầu tư	105	103	100	98.2	-
Đầu tư dài hạn	73.1	86.4	88.0	89.5	-
Đầu tư vào Cty LD,LK	690	710	732	754	-
Tài sản dài hạn khác	945	1,055	1,112	1,112	-
Tổng tài sản dài hạn	5,577	5,533	5,400	5,182	-
Tổng cộng tài sản	28,810	31,441	32,890	33,700	-
Nợ ngắn hạn	2,701	3,165	3,337	3,337	-
Phải trả người bán	9,264	10,022	10,567	10,566	-
Nợ ngắn hạn khác	4,822	5,965	6,391	6,853	-
Tổng nợ ngắn hạn	17,215	19,578	20,730	21,206	-
Nợ dài hạn	62.7	69.2	64.9	60.1	-
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	157	157	157	157	-
Nợ dài hạn khác	48.5	29.9	32.1	33.0	-
Tổng nợ dài hạn	268	256	254	250	-
Tổng nợ phải trả	17,483	19,834	20,984	21,456	-
Vốn chủ sở hữu	10,210	10,378	10,554	10,757	-
Lợi ích cổ đông thiểu số	1,117	1,229	1,351	1,487	-
Tổng vốn chủ sở hữu	11,327	11,607	11,905	12,243	-
Tổng nợ phải trả và VCSH	28,810	31,441	32,890	33,700	-
BVPS (đ)	9,872	10,035	10,205	10,401	-
Nợ thuần*/(tiền mặt)	(1,318)	(1,396)	(1,268)	(1,347)	-

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	-
EBIT	672	531	479	451	-
Khấu hao	(336)	(401)	(437)	(477)	-
Lãi vay thuần	237	362	424	490	-
Thuế TNDN đã nộp	(189)	(158)	(159)	(167)	-
Thay đổi vốn lưu động	1,516	(1,439)	(724)	(10.7)	-
Khác	(164)	632	191	140	-
LCT thuần từ HKKD	2,408	331	648	1,381	-
Đầu tư TS dài hạn	(400)	(213)	(224)	(235)	-
Góp vốn & đầu tư	(7,705)	(767)	(843)	(928)	-
Thanh lý	7,960	500	0	(500)	-
Khác	414	641	705	775	-
LCT thuần từ HĐĐT	269	161	(362)	(888)	-
Cổ tức trả cho CSH	384	(414)	(414)	(414)	-
Thu từ phát hành CP	0	0	0	0	-
Tăng/giảm nợ	(1,886)	470	168	(5.07)	-
Khác	(0.72)	0	0	0	-
LCT thuần từ HĐTC	(1,502)	56.4	(246)	(419)	-
Tiền & tương đương tiền đầu kì	2,991	4,082	4,630	4,670	-
LCT thuần trong kỳ	1,175	548	39.7	74.5	-
Ảnh hưởng của tỷ giá	(83.7)	0	0	0	-
Tiền & tương đương tiền cuối kì	4,082	4,630	4,670	4,744	-
Dòng tiền tự do	2,008	117	424	1,146	-

Các chỉ số tài chính	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	-
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	3.90	4.50	4.51	4.77	-
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	0.97	0.84	0.79	0.79	-
Tỷ suất LNT (%)	0.62	0.59	0.58	0.60	-
Thuế TNDN hiện hành (%)	20.7	17.5	17.3	17.3	-
Tăng trưởng doanh thu (%)	80.2	6.00	5.45	0.27	-
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	1.69	(7.58)	(1.66)	1.26	-
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	7.67	0.93	1.14	4.62	-
Tăng trưởng EPS (%)	7.67	0.93	2.66	4.56	-
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	7.67	0.93	1.14	4.62	-
Tăng trưởng DPS (%)	nm	14.3	0	0	-
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	55.6	62.9	61.3	58.6	-
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	6.44	6.38	6.45	6.62	-
ROACE (%)	5.83	4.52	3.99	3.66	-
Vòng quay tài sản (lần)	3.72	3.67	3.62	3.51	-
Tiền mặt HD/EBIT (lần)	3.58	0.62	1.35	3.06	-
Số ngày tồn kho	10.7	10.9	10.9	10.9	-
Số ngày phải thu	29.5	31.6	31.7	31.7	-
Số ngày phải trả	33.8	34.7	34.7	34.7	-
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	(12.2)	(12.4)	(10.9)	(11.4)	-
Nợ/tài sản (%)	9.84	10.6	10.7	10.4	-
EBIT/lãi vay (lần)	N/a	N/a	N/a	N/a	-
Nợ/EBITDA (lần)	2.81	3.59	3.84	3.79	-
Chỉ số TT hiện thời (lần)	1.35	1.32	1.33	1.34	-
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	0.11	0.11	0.10	0.10	-
EV/EBITDA ĐC (lần)	11.8	12.8	13.3	13.2	-
P/E (lần)	18.6	18.4	17.9	17.2	-
P/E ĐC (lần)	18.6	18.4	18.2	17.4	-
P/B (lần)	1.19	1.17	1.15	1.12	-
Lợi suất cổ tức (%)	2.99	3.42	3.42	3.42	-

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn